

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SET
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN SET

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SET GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SET GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0108531020

3. Ngày thành lập: 29/11/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 36 phố Đông Quan, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết - Đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đấu giá)	4513
2.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động, + Bảo dưỡng thông thường, Sửa chữa thân xe, Sửa chữa các bộ phận của ô tô, Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, Sửa tấm chắn và cửa sổ, + Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô, Sửa chữa, bơm và săm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế, Xử lý chống gỉ,	4520
3.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
5.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động của cáp treo, đường sắt leo núi.	4932
6.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: + Vải nhựa, lều bạt, đồ cắm trại, buồm, bạt che ô tô, che máy móc và bàn ghế.	1392
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán tủ lạnh, điều hòa, lò vi sóng	4649
8.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
9.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
10.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
11.	Thu gom rác thải độc hại	3812
12.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821

13.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
14.	Tái chế phế liệu	3830
15.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
16.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
18.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
19.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ Chi tiết: - Dịch vụ phân tích kiểm nghiệm hóa, hóa lý, vi sinh lĩnh vực tài nguyên, môi trường, thực phẩm. -Kiểm nghiệm phân bón	7212
21.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Điều 4 Nghị định 127/2014/NĐ-CP), hoạt động quan trắc môi trường lao động (Điều 33 Nghị định 44/2016 NĐ-CP)	7110
22.	Xây dựng nhà để ở	4101
23.	Xây dựng nhà không để ở	4102
24.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
25.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
26.	Xây dựng công trình điện	4221
27.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
28.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
29.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
30.	Xây dựng công trình thủy	4291
31.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
32.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, nút chữ T, ống cao su,...; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
33.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
34.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
35.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599

36.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: - Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao; - Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng; - Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác; - Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch; - Hoạt động xúc tiến du lịch.	7990
37.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Chi tiết: - Hoạt động của tàu thuyền du lịch hoặc thăm quan;	5011
38.	Bán buôn đồ uống	4633
39.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
40.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
41.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
42.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
43.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
44.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
45.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
46.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
47.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
48.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
49.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
50.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
51.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
52.	Phá dỡ	4311
53.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm: hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
54.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
55.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
56.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
57.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
58.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không bao gồm: thiết bị thu phát sóng) Chi tiết: Bán ti vi	4652
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán các thiết bị phân tích môi trường, thiết bị quan trắc môi trường.	4659

61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
62.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
63.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
64.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
65.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
66.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
67.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
68.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
69.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
70.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
71.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
74.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
75.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
76.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
77.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
78.	In ấn	1811
79.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
80.	Sao chép bản ghi các loại	1820
81.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Nhà hàng, quán ăn; Quán ăn tự phục vụ; Quán ăn nhanh; Cửa hàng bán đồ ăn mang về; Xe thùng bán kem; Xe bán hàng ăn lưu động; Hàng ăn uống trên phố, trong chợ.	5610
82.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
83.	Đại lý du lịch	7911(Chính)

84.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa (trừ đấu giá)	4610
85.	Cho thuê xe có động cơ	7710
86.	Dịch vụ đóng gói	8292
87.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; Bán buôn sợi dệt, Bán buôn bột giấy, Bán buôn đá quý; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại	4669
88.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. (trừ hoạt động đấu giá)	4530
89.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
90.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
91.	Cổng thông tin	6312
92.	Lập trình máy vi tính	6201
93.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
95.	Giáo dục nhà trẻ	8511
96.	Giáo dục mẫu giáo	8512
97.	Đào tạo sơ cấp	8531
98.	Đào tạo trung cấp	8532
99.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
100.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
101.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
102.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
103.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
104.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.	5629

105.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
106.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa; - Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
107.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
108.	Bán buôn thực phẩm	4632
109.	Vận tải đường ống	4940
110.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
111.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
112.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
113.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chi tiết - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển - Giao nhận hàng hóa; thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá - Đại lý bán vé máy bay	5229
114.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ BÁ ANH	Số 6 khu 6, Thị Trấn Trầm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	51.000	5.100.000.000	51,000	0010840149 15	
			Tổng số	51.000	5.100.000.000	51,000		

2	BÙI HƯƠNG GIANG	Số 14/463/28/9 Phố Đội Cấn, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	10,000	B4588463	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	10,000		
3	TRẦN PHƯƠNG HUYỀN	Số 11, phố Phan Phù Tiên, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	10,000	012195802	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	10,000		
4	CAO QUÂN VŨ	TTLĐ Địa Chất, Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	10,000	111882492	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	10,000		
5	DƯƠNG THỊ THANH HẢI	Thôn Cổ Diễn, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	1.000.000.000	10,000	001184025964	
			Tổng số	10.000	1.000.000.000	10,000		
6	LÊ THỊ VIỆT ANH	2 Ngõ Y Vạn Phúc, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	900.000.000	9,000	001179012008	
			Tổng số	9.000	900.000.000	9,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ BÁ ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 15/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001084014915

Ngày cấp: 27/04/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 6 khu 6, Thị trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 6 khu 6, Thị trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội